

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Lê Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm: 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr trình bày:

Chị Tr và anh Lê Thanh H tự nguyện về chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu làm ăn lo kinh tế trong gia đình khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khiến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị Tr yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H lên làm việc nhưng anh H không có mặt nên không thu thập được ý kiến của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Tr được ly hôn với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh H cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh H, chị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không có lý do, chị Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh H, chị Tr theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền Tr thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng: anh H và chị Tr tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2008. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh H không lo cho kinh tế trong gia đình khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh H đã trầm trọng, không cần thiết kéo dài cuộc sống hôn nhân của chị Tr và anh H. Yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Tr là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Lê Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 09/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001989 ngày 25/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải